

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

NGUYỄN VIỆT XUÂN

QUAN HỆ LÀO - VIỆT NAM (1986 - 2016)

Ngành: Lịch sử Thế giới

Mã số: 9.22.90.11

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

HUẾ - NĂM 2021

Công trình được hoàn thành tại: Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Trịnh Thị Định.

Phản biện 1:

.....

Phản biện 2:

.....

Phản biện 3:

.....

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Đại học Huế họp tại: Số 4 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Vào hồi giờ, ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế và Thư viện Quốc gia Việt Nam.

**ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

NGUYỄN VIỆT XUÂN

QUAN HỆ LÀO - VIỆT NAM (1986 - 2016)

Ngành: Lịch sử Thế giới

Mã số: 9.22.90.11

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

Người hướng dẫn khoa học:

PGS.TS Trịnh Thị Định

HUẾ - NĂM 2021

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU QUAN HỆ LÀO - VIỆT NAM (1986 - 2016)	5
1.1. Tình hình nghiên cứu ở trong nước	5
1.2. Tình hình nghiên cứu ở ngoài nước	6
1.3. Nhận xét về tình hình nghiên cứu và vấn đề đặt ra cho luận án	9
CHƯƠNG 2. CƠ SỞ VÀ NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ LÀO - VIỆT NAM (1986 - 2016)	10
2.1. Cơ sở quan hệ Lào - Việt Nam	10
2.2. Nhân tố tác động đến quan hệ Lào Việt Nam	10
CHƯƠNG 3. QUAN HỆ LÀO - VIỆT NAM TRÊN CÁC LĨNH VỰC CHỦ YẾU (1986 - 2016)	11
3.1. Quan hệ chính trị - ngoại giao	11
3.2. Quan hệ quốc phòng - an ninh	12
3.3. Quan hệ kinh tế	12
3.4. Quan hệ văn hóa, giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ	14
3.5. Hợp tác Lào - Việt Nam ở cấp độ đa phương	14
CHƯƠNG 4. MỘT SỐ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ QUAN HỆ LÀO - VIỆT NAM (1986 - 2016)	15
4.1. Thành tựu và hạn chế trong quan hệ hai nước	15
4.2. Tính chất, đặc điểm quan hệ Lào - Việt Nam (1986 - 2016)	17
4.3. Tác động của quan hệ Lào - Việt Nam đến tình hình mỗi nước và khu vực	18
KẾT LUẬN	20
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	i

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Ra đời và được tôi luyện, thử thách trong cuộc đấu tranh giành và bảo vệ độc lập dân tộc, quan hệ Lào - Việt Nam vốn được các thế hệ lãnh đạo và nhân dân hai nước bồi đắp đã trở thành mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt.

Năm 1986, cả hai nước bắt đầu thực hiện công cuộc đổi mới, cùng với việc mở rộng bang giao, tích cực hội nhập quốc tế và khu vực, quan hệ Lào - Việt Nam bước vào giai đoạn mới. Đây cũng là giai đoạn mà quan hệ quốc tế tại Đông Nam Á được cải thiện rõ rệt, tình trạng phân cực chấm dứt, ASEAN được mở rộng, tăng cường hợp tác nội khối và ngoại khối. Khu vực Đông Nam Á, nhất là Lào và Việt Nam với những thành tựu của công cuộc đổi mới và mở cửa kinh tế, là điểm đến của các đối tác kinh tế lớn và cũng là mục tiêu thâm nhập của các thế lực nước lớn với những toan tính riêng của họ. Các nhân tố mới xuất hiện như sự trỗi dậy của Trung Quốc; sự điều chỉnh chiến lược đối ngoại của các nước có lợi ích gắn liền với khu vực Đông Nam Á đã và đang là những nhân tố tác động không nhỏ đến sự phát triển cũng như quan hệ quốc tế tại khu vực.

Tuy cả hai nước đã cải thiện và mở rộng đáng kể các mối quan hệ quốc tế, tích cực hội nhập quốc tế và khu vực, nâng cao đáng kể vị thế quốc tế của mình, quan hệ giữa hai nước vẫn được cả Lào và Việt Nam xác định là “*quan hệ đặc biệt*”; nhất trí nâng mối quan hệ hai nước lên thành quan hệ “*hữu nghị vĩ đại*”. Thực tế cho thấy, quan hệ Lào - Việt Nam từ sau năm 1986 vẫn tiếp tục được đẩy mạnh và mở rộng trên tất cả các lĩnh vực, trên tất cả các kênh Đảng, Nhà nước và Nhân dân, từ trung ương đến địa phương.

Trong những thập niên gần đây, Lào đang thu hút sự quan tâm của các đối tác bên ngoài, nhất là các nước láng giềng có tiềm lực kinh tế như Trung Quốc, Thái Lan... Từ góc độ trên, mặc dù đề tài quan hệ Lào - Việt Nam (1986-2016) không hoàn toàn là đề tài mới, nhưng nghiên cứu toàn diện, có hệ thống, nhận diện đầy đủ những tác nhân thúc đẩy

cũng như đe dọa, cản trở mối quan hệ giữa hai nước, cùng với tầm quan trọng của việc duy trì, phát triển quan hệ với quốc gia láng giềng “*môi hở răng lạnh*” là một vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cao, góp phần làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách thích hợp để duy trì, phát triển quan hệ giữa hai nước trong giai đoạn mới.

Với ý nghĩa trên, chúng tôi chọn vấn đề “*Quan hệ Lào - Việt Nam (1986-2016)*” làm luận án tiến sĩ, ngành Lịch sử Thế giới.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ của luận án

- *Mục tiêu:* Trên cơ sở tái hiện chân thực, khách quan và có hệ thống, luận án làm rõ sự vận động, đặc điểm, bản chất và tác động của quan hệ Lào - Việt Nam trên các mặt khác nhau, cả song phương và đa phương giai đoạn 1986 - 2016 trong bối cảnh quốc tế, khu vực và tình hình mỗi nước có những thay đổi căn bản.

- *Nhiệm vụ:* (1) Phân tích, làm rõ cơ sở và những nhân tố tác động đến mối quan hệ; luận giải những nhân tố làm nên quan hệ hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện Lào - Việt Nam; (2) Hệ thống hoá tiến trình quan hệ giữa hai nước trên các lĩnh vực chính trị, ngoại giao; quốc phòng, an ninh; kinh tế và một số lĩnh vực quan trọng khác; (3) Đánh giá những thành tựu nổi bật, những khó khăn, hạn chế, bất cập trong quan hệ và những tác động của nó đến tình hình của mỗi nước và khu vực.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. *Đối tượng nghiên cứu* của luận án là quá trình phát triển quan hệ Lào - Việt Nam trên các lĩnh vực từ năm 1986 đến năm 2016.

3.2. *Phạm vi nghiên cứu:*

- Về không gian: Nghiên cứu các lĩnh vực quan hệ của Lào với Việt Nam trên các lĩnh vực chính trị ngoại giao, quốc phòng an ninh, kinh tế và một số lĩnh vực khác.

- Về thời gian: Nghiên cứu, làm rõ quan hệ Lào - Việt Nam từ năm 1986 đến năm 2016. Tuy nhiên, quan hệ giữa Lào - Việt Nam giai đoạn trước năm 1986 cũng được đề cập trong luận án để giúp hiểu rõ hơn cội nguồn cũng như tiền đề của quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam.

- Về nội dung: Luận án tập trung làm rõ diễn trình của quan hệ Lào - Việt Nam (1986-2016) trên các lĩnh vực chủ yếu. Quan hệ giữa

hai nước được đề cập trên các kênh song phương và đa phương, sự hợp tác và tương tác của hai nước trên các tổ chức và diễn đàn khu vực và quốc tế. Ngoài ra, luận án cũng nghiên cứu quan hệ giữa các tỉnh biên giới hai nước để thấy được đặc thù của mối quan hệ giữa hai quốc gia có đường biên giới dài hơn 2.337 km.

4. Các nguồn tài liệu

- Nguồn tư liệu gốc: Các văn kiện liên quan đến quan hệ đối ngoại hai Đảng, hai Nhà nước; các Hiệp định, bản Tuyên bố chung, Thỏa thuận thư, Nghị định thư, biên bản ghi nhớ và hợp tác giữa hai Chính phủ; các báo cáo, biên bản, tổng kết theo định kỳ; các tài liệu thống kê của các bộ, ban, ngành liên quan; các cơ sở dữ liệu của một số cơ quan, tổ chức quốc tế được công bố trên các trang thông tin điện tử chính thức.

- Nguồn tư liệu thứ cấp: Kế thừa thành quả nghiên cứu của các học giả đi trước công bố trong các sách chuyên khảo, các bài báo công bố trên các tạp chí chuyên ngành, các tham luận tại các hội thảo khoa học, một số luận án tiến sĩ, luận văn chuyên ngành và một số bài nghiên cứu, bình luận chính trị - thời sự quốc tế khai thác trên các website.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

- Luận án được thực hiện trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, quan điểm chủ nghĩa Marx - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về quan hệ hữu nghị đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai nước.

- Hai phương pháp chủ đạo của nghiên cứu lịch sử là phương pháp lịch sử và phương pháp logic được áp dụng xuyên suốt trong thực hiện đề tài kết hợp với các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành khác.

6. Đóng góp của luận án

- *Về mặt khoa học*: Là công trình nghiên cứu khá hệ thống và toàn diện, luận án làm rõ tiến trình quan hệ trên các lĩnh vực chủ yếu trong 30 năm Đổi mới (1986-2016) từ góc độ sử học. Từ kết quả nghiên cứu, luận án đưa ra những nhận xét về thành tựu, hạn chế, tính chất, đặc

điểm của mối quan hệ và tác động của mối quan hệ đến sự phát triển của mỗi nước và khu vực.

- *Về mặt thực tiễn*: Luận án là tài liệu cần thiết cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Đồng thời góp phần cung cấp cái nhìn khách quan, khoa học, từ góc độ sử học về quan hệ Lào - Việt Nam mà các nhà hoạch định chính sách Việt Nam có thể tham khảo trong xây dựng chính sách đối ngoại nói chung, đề ra những đối sách phù hợp, kịp thời trong quan hệ với Lào; đóng góp thêm những cơ sở lý luận cho việc đổi mới quan hệ Lào - Việt Nam trong bối cảnh hai nước đang tăng cường hội nhập khu vực và quốc tế.

7. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, nội dung chính của luận án gồm có 4 chương như sau:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu quan hệ Lào - Việt Nam (1986-2016)

Chương 2. Cơ sở và nhân tố tác động đến quan hệ Lào - Việt Nam (1986-2016)

Chương 3. Quan hệ Lào - Việt Nam trên các lĩnh vực chủ yếu (1986-2016)

Chương 4. Một số nhận xét, đánh giá về quan hệ Lào - Việt Nam (1986-2016)

NỘI DUNG

Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU QUAN HỆ LÀO - VIỆT NAM (1986-2016)

1.1. Tình hình nghiên cứu ở trong nước

Trên cơ sở các nguồn tài liệu, chúng tôi chia thành các nhóm chủ yếu sau:

Nhóm thứ nhất: Những công trình, bài viết mang tính định hướng phát triển quan hệ Lào - Việt Nam. Trong các nghiên cứu của các nhà lãnh đạo Đảng, Nhà nước, mối quan hệ giữa hai nước được khẳng định là tài sản quý giá. Lãnh đạo hai nước đã chỉ đạo các cơ quan chức năng biên soạn công trình “Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam (1930-2007)”; Ban Tuyên giáo Trung ương có công trình “Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào (1930-2017)”. Các công trình trên phản ánh quan hệ giữa hai nước kể từ khi ký kết Hiệp ước Hữu nghị và hợp tác (1977); đồng thời cũng thể hiện quan điểm, nhìn nhận chính thống của hai nước về mối quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam.

Nhóm thứ hai: Những công trình nghiên cứu tổng thể quan hệ Lào - Việt Nam. Chủ yếu là các nghiên cứu về sự hình thành và phát triển của mối quan hệ Việt Nam - Lào, từ quan hệ đoàn kết chiến đấu đến quan hệ hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện mang tính chiến lược cách mạng, như là quy luật tất yếu, khách quan như “Quan hệ đặc biệt Việt - Lào” (Vũ Dương Huân, chủ biên, 2003); “Phát triển quan hệ hợp tác Việt Nam - Lào trong bối cảnh mới” (Nguyễn Duy Dũng, 2012), “Quan hệ đặc biệt hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào trong giai đoạn 1954-2017” (Lê Đình Chính, 2017)...

Nhóm thứ ba: Nghiên cứu quan hệ trên các lĩnh vực cụ thể. Tiêu biểu có “55 năm quan hệ hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào” (Nguyễn Xuân Thắng, 2017); “Quan hệ đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào là yêu cầu khách quan và là nhân tố đảm bảo thắng lợi của cách mạng mỗi nước” (Nguyễn Tiến Ngọc, 2007); “Nhìn lại 55 năm quan hệ chính trị - ngoại giao Việt Nam - Lào (1962-2017)” (Trương Duy Hòa, 2017); “Quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào giai đoạn 2011-2017” (Nguyễn Hào Hùng, 2017); “Những nhân tố chi

phối quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam từ năm 1986-2011” (Nhotkhamani Souphanouvong, 2016); “Hợp tác kinh tế Việt Nam - Lào: Thực trạng và định hướng tới năm 2020” (Nguyễn Quang Hiệp, 2012); “Quan hệ kinh tế Việt Nam - Lào trong những năm gần đây” (Nguyễn Thương Huyền, 2019); “Hợp tác Việt Nam - Lào trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, văn hóa - nghệ thuật” (Đỗ Thị Thảo, 2012), “Quan hệ hữu nghị và hợp tác nhân dân Việt Nam - Lào” (Trần Trọng Khánh, 2007)...

Nhóm thứ tư: Các công trình nghiên cứu về quan hệ giữa ba nước trên bán đảo Đông Dương có đề cập quan hệ Lào - Việt Nam. Tiêu biểu có “Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia: Từ lý luận đến thực tiễn” (Nguyễn Duy Dũng, chủ biên, 2010); “Tam giác phát triển” trong không gian hội nhập ba nước Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia” (Nguyễn Thị Thanh Vân, 2016); “Đẩy mạnh hoạt động đầu tư vào khu vực tam giác phát triển Campuchia, Lào, Việt Nam” (Nguyễn Đình Hiền, 2013); “Hợp tác Việt Nam - Lào - Campuchia nhằm giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống trong điều kiện hội nhập” (Lê Quang Mạnh, 2016), “Hợp tác văn hóa xã hội giữa Lào - Việt Nam - Campuchia” (Sompheng Xaynhavong, 2019)... chỉ ra rằng, ba nước có những điểm chung, tạo nền tảng vững chắc cho mối quan hệ, nó không chỉ giúp ba nước đoàn kết đánh thắng kẻ thù chung mà còn tạo lập vị thế để cùng vươn lên phát triển trong giai đoạn hiện nay.

1.2. Tình hình nghiên cứu ở ngoài nước

Nhóm thứ nhất: Các công trình tổng kết, đánh giá về tình hình phát triển kinh tế, xã hội, hoạt động đối ngoại và quan hệ quốc tế của Lào và quan hệ Lào - Việt Nam. Tại Lào, các công trình của các cơ quan Đảng và Nhà nước Lào có “Phát triển kinh tế - xã hội Lào (1975-2000)” (Bộ Ngoại giao, 2001); “Tổng kết công tác đối ngoại từ năm 1995-2008” (Ban Đối ngoại Trung ương, 2009); “Sự phát triển Kinh tế - Xã hội trong giai đoạn 40 năm của CHDCND Lào giai đoạn 1975-2015” (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2015); “Thành tựu 25 năm hợp tác giữa Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1975-2000)” (Thông tấn xã Pathet Lào, 2000); “Hợp tác Lào - Việt Nam vì phát triển” (Bộ Công thương, 2009); “Tiền đề quan hệ hợp tác

trên lĩnh vực an ninh - quốc phòng giữa Lào và Việt Nam” (Bộ Quốc phòng, 2007), “Tổng kết ngắn thành quả về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa Lào - Việt Nam trong 30 năm qua (18/7/1997 - 18/7/2007)” (Phân ban hợp tác Lào - Việt Nam, 2007)... Các công trình trên đưa ra những đánh giá thể hiện quan điểm, nhìn nhận của Lào về mối quan hệ với Việt Nam, cho thấy phía Lào ghi nhận và đánh giá cao sự cần thiết cũng như tính hiệu quả của quan hệ hợp tác với Việt Nam đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước của Lào. Có thể coi đó là những quan điểm chính thống của Đảng và Nhà nước Lào về quan hệ Lào - Việt Nam.

Bên cạnh đó có một số công trình nghiên cứu về quan hệ Lào - Việt Nam của giới nghiên cứu Lào như “Tình hình hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa CHDCND Lào và CHXHCN Việt Nam giai đoạn 30 năm (1977-2007)” (Phetsamone Sorasuern, 2007); “Đánh giá thực hiện hiệp định về việc hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật giữa Chính phủ CHDCND Lào và CHXHCN Việt Nam giai đoạn 1996-2000, phương hướng và kế hoạch hợp tác giai đoạn 2001-2005” (Phitsanou Souvanhna, 2000), “Các biện pháp tăng cường tình đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Lào - Việt Nam” (Nhotkhamani Souphanouvong, 2015)... phản ánh quá trình phát triển quan hệ giữa hai nước.

Ngoài ra, WB, ADB hay OECD cũng có những nghiên cứu thường niên về tình hình kinh tế - xã hội, đề cập đến thực trạng kinh tế, cơ hội và thách thức đối với nền kinh tế Lào hay nghiên cứu “Laos in 2005: 30 Years of the People’s Democratic Republic” (Dean Forbes - Cecile Culter, 2006) đề cập đến những thành tựu của Lào sau 30 năm thành lập nước, đề cập và đánh giá quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam ngày càng thắt chặt.

Nhóm thứ hai: Những công trình nghiên cứu Lào trong quan hệ hợp tác khu vực. Tiêu biểu có “Indochina Economic Reconstruction and International Cooperation” (Tsutomu Murano, 1992); “The Special Economic Zones of the Greater Mekong Subregion: Land Ownership and Social Transformation” (John Walsh, 2015), “Challenges, Prospects

and Strategies for CLMV Development: The Case of Lao PDR”, (Leeber Leebouapao, 2008)... Những mối liên hệ giữa Lào với một số quốc gia trong khu vực, nhất là với Trung Quốc đang là vấn đề được nhiều nhà nghiên cứu quốc tế quan tâm, như “Laos: The Chinese Connection” (Martin Stuart-Fox, 2009); “Laos’ High - Speed Railway Coming Round the Bend” (Nick Freeman, 2019), “Laos on a fast track to a China debt trap” (David Hutt, 2018) và những nghiên cứu của chính người Trung Quốc như “Report on China - Laos Cooperation Opportunities under the Belt and Road Initiative in 2018” (Xinhua Silk Road Information Service, 2018), “China’s Economic Aid to CLMV and It’s Economic Cooperation with Them” (Zhu Zhenming, 2010)...

Nhóm thứ ba: Các công trình nghiên cứu trực tiếp quan hệ Lào - Việt Nam. Từ sau năm 1991, các công trình nghiên cứu về Lào có đề cập đến sự chuyển đổi vị thế của Lào tại khu vực và trong quan hệ với các nước láng giềng, trong đó có Việt Nam. “Laos: From Buffer State to Crossroads?” (Vatthana Pholsena, Michael Smithies, 2006). Một số bình luận về quan hệ đối ngoại của Lào nói chung và quan hệ giữa Lào với Việt Nam trong bối cảnh mới, như “Vietnam - Laos Defense Ties in the Headlines With Border Meeting” (Prashamth Parameswaran, 2018); “Vietnam’s Sole Military Ally” (Khang Vu, 2020); “Laos: China’s «Pivot State» in Mainland ASEAN” (Par Andrew Korybko, 2015); “China’s Influence Steadily Grows in Laos, Weathering Political Change” (Michael Hart, 2017) hay “Same - Same but Different”: Laos and Cambodia’s Political Embrace of China” (Edgar Pang, 2017)... Với cái nhìn khách quan, các quan sát, nhìn nhận, đánh giá nhìn chung cho thấy, quan hệ của Lào đối với Việt Nam hiện nay không còn là mối quan hệ duy nhất của Lào. Các nhân tố khác như Thái Lan do có sự tương đồng về văn hóa, hay như Trung Quốc với những tham vọng của họ đang “chen chân” và có dấu hiệu “*lấn sân*” quan hệ đối ngoại của Lào; tuy nhiên như nhận định của nhiều nhà nghiên cứu, cả Thái Lan lẫn Trung Quốc vẫn chưa giành được thứ tự ưu tiên cao trong nền chính trị của Lào.

1.3. Nhận xét về tình hình nghiên cứu và vấn đề đặt ra cho luận án

Thứ nhất, quan hệ Lào - Việt Nam được các cơ quan Đảng và Nhà nước hai nước có những tổng kết mang tính nghiên cứu, đưa ra những nhận định, đánh giá, thể hiện quan điểm của lãnh đạo hai nước về quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu trong nước tương đối phong phú, đa dạng, đề cập những thành tựu, hạn chế, bài học kinh nghiệm trong quan hệ hợp tác giữa giữa hai Đảng, hai Chính phủ và Nhân dân hai nước; giữa các ngành, các lĩnh vực ở một số giai đoạn cụ thể. Tuy nhiên, chủ yếu là phục vụ công tác tuyên truyền, mỗi quan hệ Lào - Việt Nam trong 30 năm Đổi mới thực tế chưa được tập trung nghiên cứu một cách có hệ thống dưới góc độ sử học

Thứ ba, ở Lào, tuy cũng xác định quan hệ Lào - Việt Nam là quan hệ đặc biệt, nhưng chưa thấy có những công trình nghiên cứu một cách đầy đủ, công phu, từ góc độ sử học, nhất là trong 30 năm Đổi mới. Nghiên cứu về quan hệ Lào - Việt Nam chủ yếu là của các tác giả, các học viên sau đại học được cử đi nghiên cứu, đào tạo tại Việt Nam, thực hiện ở Việt Nam, vì vậy, tính khách quan của các luận điểm mà các tác giả đưa ra cũng có những hạn chế nhất định.

Thứ tư, ở ngoài nước, quan hệ Lào - Việt Nam được đề cập đến chủ yếu là ở giai đoạn trước năm 1986; từ sau năm 1986 có quá ít công trình nghiên cứu trực tiếp vấn đề mà chỉ đề cập đến vị trí, vai trò của Việt Nam hoặc so sánh nhân tố Việt Nam với các nhân tố khác trong nền chính trị Lào.

Nhìn chung, tuy đã có một số nghiên cứu, nhưng chưa có một công trình nghiên cứu quan hệ Lào - Việt Nam (1986-2016) một cách hệ thống, toàn diện với tư cách là một công trình độc lập với những luận giải, nhìn nhận từ góc độ sử học. Trong các nghiên cứu đã công bố, đa số các nhà nghiên cứu thiên về quan hệ quốc tế hoặc địa chính trị. Mặc dù vậy, đây là nguồn tài liệu tham khảo quý, giúp chúng tôi xây dựng ý tưởng, nội dung và lựa chọn phương pháp nghiên cứu một cách có hệ thống. Các nguồn tài liệu trên là cơ sở quan trọng cho việc hoàn thành đề tài luận án “*Quan hệ Lào - Việt Nam (1986-2016)*” dưới góc độ khoa học lịch sử.

Với tư cách là một công trình độc lập, luận án sẽ giải quyết các vấn đề đặt ra như quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam đã diễn ra như thế nào trong giai đoạn 1986-2016? Cơ sở của tính chất đặc biệt của quan hệ Lào - Việt Nam trong bối cảnh hiện nay là gì khi rõ ràng Lào đang là đối tượng “*ve vãn*” của những thế lực bên ngoài? Đặc điểm và tính chất của mối quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam và tầm quan trọng của mối quan hệ này đối với mỗi nước hiện tại và trong tương lai?

Trong giai đoạn mới, với những biến đổi của tình hình quốc tế, khu vực, trước những tác động mạnh mẽ của các nhân tố bên ngoài và những chuyển biến nội tại của mỗi nước đòi hỏi cần có sự đánh giá khách quan, chân thực về quá trình duy trì và phát triển mối quan hệ đặc biệt trong 30 năm hai nước thực hiện công cuộc đổi mới, từ đó xây dựng các chính sách hợp tác phù hợp trong tương lai. Đây là vấn đề lớn, quan trọng, đòi hỏi cần có sự nghiên cứu nghiêm túc, công phu.

Chương 2: CƠ SỞ VÀ NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUAN HỆ LÀO - VIỆT NAM (1986 - 2016)

2.1. Cơ sở quan hệ Lào - Việt Nam

Quan hệ Lào - Việt Nam (1986-2016) phát triển trên cơ sở gần gũi về địa lý, văn hóa; chia sẻ thân phận lịch sử đều là thuộc địa của thực dân Pháp và gắn kết với nhau trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương; rồi trong Liên minh chiến đấu chống xâm lược; đoàn kết chiến đấu chống can thiệp Mỹ, giải phóng đất nước; hỗ trợ và giúp đỡ nhau trong công cuộc khôi phục và phát triển đất nước sau chiến tranh. Như vậy, trước khi hai nước tiến hành công cuộc đổi mới, quan hệ giữa hai nước đã được phát triển tương đối toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, đặt nền móng pháp lý cho sự phát triển của quan hệ giữa hai nước trong giai đoạn tiếp theo.

2.2. Nhân tố tác động đến quan hệ Lào - Việt Nam

2.2.1. Nhân tố bên trong: Chính sách đối ngoại nổi bật và xuyên suốt của Lào đối với Việt Nam và ngược lại là tiếp tục củng cố, tăng cường, quyết tâm giữ gìn và phát huy quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam như là tài sản vô giá của hai dân tộc; coi đó là quy luật sống còn, quy

luật phát triển và là nhân tố đảm bảo sự thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của mỗi nước. Sự phát triển của quan hệ Lào - Việt Nam chịu sự tác động của sự tương đồng về hệ tư tưởng, mục tiêu quốc gia và lợi ích quốc gia dân tộc của hai nước. Mặt khác, thành công của công cuộc đổi mới của hai nước là những nhân tố bên trong tác động tích cực trên tất cả các lĩnh vực; giúp cho quan hệ hai nước tiếp tục được củng cố bất chấp sự chi phối của những nhân tố bên ngoài.

2.2.1. Nhân tố bên ngoài: Sự chuyển biến tích cực của tình hình khu vực và quốc tế, nhất là vai trò của ASEAN trở thành nhân tố có tác động tích cực, tạo điều kiện thuận lợi cho quan hệ Lào - Việt Nam phát triển. Nhân tố Thái Lan được đánh giá là có nhiều lợi thế trong quan hệ với Lào, trong đó sự phát triển mạnh mẽ quan hệ kinh tế Lào - Thái Lan một mặt đã vượt quan hệ kinh tế Lào - Việt Nam, nhưng mặt khác có tác động đến sự tăng trưởng quan hệ kinh tế Lào - Việt Nam. Trong khi đó, Trung Quốc đã và đang bộc lộ rõ ý đồ lôi kéo Lào vào quỹ đạo ảnh hưởng của mình, cho thấy là nhân tố đe dọa và cạnh tranh ảnh hưởng quyết liệt với Việt Nam tại Lào. Tuy nhiên, dù có gây nên những quan ngại lớn cho quan hệ Lào - Việt Nam, nhân tố Trung Quốc cho thấy vẫn chưa làm thay đổi được tính chất đặc biệt của quan hệ Lào - Việt Nam; còn nhân tố Thái Lan đang cho thấy có những tác động tích cực đến quan hệ Lào - Việt Nam.

Chương 3: QUAN HỆ LÀO - VIỆT NAM TRÊN CÁC LĨNH VỰC CHỦ YẾU (1986 - 2016)

3.1. Quang hệ chính trị - ngoại giao

Trên cơ sở sự tương đồng về ý thức hệ giữa hai Đảng cầm quyền, Lào và Việt Nam tiếp tục phát triển và tăng cường quan hệ gắn bó lẫn nhau trong bối cảnh mới. Do đó, mặc dù cơ chế quản lý kinh tế ở mỗi nước có sự thay đổi, mặc dù các mối quan hệ quốc tế của mỗi bên được mở rộng nhưng nhờ sự tương đồng về ý thức hệ và sự chia sẻ mục tiêu quốc gia, Lào và Việt Nam tiếp tục duy trì mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt, gắn bó với nhau trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước trong bối cảnh mới.

Phương thức lãnh đạo quan hệ chính trị ngoại giao giữa hai bên

được thực hiện thông qua Thỏa thuận cấp cao hàng năm giữa hai Đảng là đặc trưng cơ bản của mối quan hệ chính trị ngoại giao Lào - Việt Nam. Lãnh đạo hai nước thường xuyên gặp gỡ, trao đổi thông tin và tham khảo ý kiến của nhau từ các vấn đề lý luận và thực tiễn, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới, về phương thức hợp tác giữa hai nước đến các vấn đề hợp tác khu vực và quốc tế liên quan đến quyền lợi của mỗi nước; thể hiện rõ quan điểm, ủng hộ, hỗ trợ nhau trong các vấn đề, diễn đàn khu vực và quốc tế.

Hoạt động ngoại giao nhân dân giữa hai nước được triển khai thường xuyên và là kênh hợp tác quan trọng, hiệu quả, nhất là giữa các tỉnh có chung đường biên giới cũng như các địa phương kết nghĩa khác.

3.2. Quan hệ quốc phòng - an ninh

Hợp tác Lào - Việt Nam trên lĩnh vực quốc phòng an ninh được hai bên xác định là lĩnh vực then chốt, là một trong những trụ cột của quan hệ đặc biệt giữa hai nước nhằm giữ vững môi trường ổn định để phát triển ở mỗi nước; tiếp tục phối hợp triển khai tốt các hiệp định, thỏa thuận về biên giới; ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành động xâm phạm biên giới, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị; phối hợp đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm xuyên biên giới; quy tập hài cốt quân tình nguyện và các chuyên gia Việt Nam hy sinh tại Lào; đẩy mạnh ký kết các thỏa thuận về quốc phòng, an ninh; phối hợp chặt chẽ và thành công trong các vấn đề an ninh phi truyền thống. Đây cũng là thành quả của truyền thống hữu nghị, đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện, sự hiểu biết, tôn trọng lẫn nhau giữa hai dân tộc, là quy luật cho sự tồn tại và phát triển, là nhân tố bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước của cả Lào và Việt Nam.

3.3. Quan hệ kinh tế

- *Những thỏa thuận hợp tác về kinh tế* được ký kết như các hiệp định, nghị định thư và các thỏa thuận hợp tác quan trọng. Việc tạo ra hành lang pháp lý cộng với những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội đạt được của hai nước đã tạo tiền đề quan trọng cho quan hệ kinh tế phát triển. Hai bên cũng đã phối hợp mở 8 cặp cửa khẩu quốc tế, 7 cửa khẩu chính, 18 cửa khẩu phụ, nhiều đường mòn, lối mở và hệ thống các chợ biên giới; thành

lập 9 khu kinh tế cửa khẩu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thông thương, giao lưu hàng hóa giữa hai nước thuận lợi.

- *Hợp tác trên lĩnh vực thương mại* đạt nhiều kết quả quan trọng. Kim ngạch thương mại tăng từ 7,8 triệu USD năm 1986 lên 823,3 triệu USD năm 2016, cao nhất là năm 2014 đạt 1,286 tỷ USD. Tính bình quân trong giai đoạn 2011 - 2016, tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu giữa hai nước đạt khoảng 1 tỷ USD/năm. Từ chỗ bị thâm hụt trong cán cân thương mại với Việt Nam giai đoạn trước năm 1990, từ sau năm 1991 cán cân thương mại chủ yếu nghiêng về phía Lào, trừ năm 2016 khi Việt Nam đạt mức thặng dư gần 133 triệu USD.

- *Hợp tác trên lĩnh vực đầu tư* được xem là một điểm mới trong quan hệ hai nước. Nhất là từ sau năm 1996, những thành công của công cuộc đổi mới ở hai nước cùng với việc ký kết *Hiệp định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư* (năm 1996) đã mở ra nhiều cơ hội cho hoạt động đầu tư giữa hai nước. Đến năm 2016, đầu tư từ Lào sang Việt Nam có 11 dự án với tổng số vốn đăng ký trên 98,5 triệu USD; từ Việt Nam có 266 dự án trị giá 5,1 tỷ USD. Những kết quả quan trọng trong hợp tác đầu tư giữa hai nước đã góp phần nâng tầm quan hệ hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện Lào - Việt Nam.

Hợp tác kinh tế giữa các tỉnh dọc biên giới hai nước cũng đạt được những chuyển biến tích cực, góp phần quan trọng vào việc củng cố và phát triển mối quan hệ hữu nghị truyền thống, tình đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai nước.

- *Quan hệ hợp tác phát triển* tiếp tục được duy trì. Mặc dù đều là những nước đang phát triển, nhưng hai bên luôn hỗ trợ nhau, nhất là từ phía Việt Nam, qua đó đã kịp thời hỗ trợ Lào phát triển nguồn nhân lực, phát triển hạ tầng, năng lượng, xóa đói giảm nghèo... và chủ yếu phía Việt Nam cấp kinh phí. Từ 1996 - 2000, Việt Nam đã viện trợ khoảng 26,6 triệu USD/năm và từ năm 2001 đến nay, khoảng từ 593 - 1.000 tỷ VNĐ mỗi năm (tương đương trên 45 triệu USD). Đây cũng chính là yếu tố góp phần làm nên *tính chất đặc biệt* của mối quan hệ Lào - Việt Nam.

3.4. Quan hệ văn hóa, giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ

- *Trên lĩnh vực văn hóa*: Trên cơ sở các hiệp định hợp tác kinh tế,

văn hóa, khoa học - kỹ thuật hàng năm và từng giai đoạn, ngành văn hóa thông tin hai nước phối hợp chặt chẽ, triển khai các hoạt động giao lưu văn hóa, tuần văn hóa; xây dựng các công trình văn hóa; đào tạo chuyên gia về các lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật; phối hợp tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt giữa hai nước.

- *Hợp tác trên lĩnh vực giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ* là chương trình được ưu tiên có tính chiến lược vì lợi ích lâu dài của hai nước; được triển khai thực hiện từ trung ương đến địa phương, chiếm tỷ lệ sử dụng vốn đầu tư cao nhất so với các lĩnh vực khác và được tăng liên tục, mở rộng bằng nhiều hình thức khác nhau từ bộ, ngành, đoàn thể, địa phương, doanh nghiệp.

Bên cạnh cử chuyên gia phối hợp xây dựng chương trình giảng dạy, bồi dưỡng giáo viên, hai bên còn tạo điều kiện tiếp nhận lưu học sinh sang học tập ở mỗi nước. Mỗi năm, Lào tiếp nhận từ 10 - 25 sinh viên Việt Nam sang học tập. Việt Nam tiếp nhận du học sinh Lào tại hầu hết các cơ sở giáo dục đại học/cao đẳng. Bên cạnh đào tạo nguồn nhân lực, Việt Nam còn đào tạo cán bộ cốt cán trong hệ thống chính trị cho Lào. Các địa phương của hai nước cũng đẩy mạnh hợp tác, tính đến tháng 12-2016, trong tổng số 14.209 trường hợp đang học tập tại Việt Nam thì có 5.266 người thuộc đối tượng học bổng của các địa phương kết nghĩa.

Trên lĩnh vực khoa học - công nghệ, hai bên phối hợp nghiên cứu biên soạn công trình Lịch sử quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam, Việt Nam - Lào (1930-2007); Văn hóa Lào trong bối cảnh toàn cầu hóa; Cộng đồng người Việt ở Lào; phối hợp triển khai biên dịch kinh điển Marx, Engels, Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh từ tiếng Việt sang tiếng Lào; tổ chức các hội thảo, phối hợp nghiên cứu kinh tế, văn hóa, lịch sử, địa lý...

3.5. Hợp tác Lào - Việt Nam ở cấp độ đa phương

Trong khuôn khổ ASEAN, Lào và Việt Nam đã phối hợp chặt chẽ cùng các nước trong khu vực xây dựng Cộng đồng ASEAN, thúc đẩy sự phát triển chung của khu vực; nỗ lực cùng các nước liên quan giải quyết các vấn đề nóng, các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, thúc đẩy việc tuân thủ và thực hiện các nguyên tắc cơ bản phù hợp với luật pháp quốc tế; tích cực thực hiện đầy đủ DOC và xây dựng COC.

Trong khuôn khổ Tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS), hai nước đã phối hợp cùng các nước trong Tiểu vùng triển khai các cơ chế hợp tác từ kinh tế, hạ tầng, du lịch, đào tạo đến giải quyết các vấn đề an ninh phi truyền thống và xây dựng các khuôn khổ pháp lý, bảo vệ môi trường sinh thái lưu vực sông cũng như thúc đẩy các dự án chung.

Trong khuôn khổ TGPT Campuchia - Lào - Việt Nam, ba nước đã thường xuyên duy trì các hoạt động hợp tác, nhất là kinh tế. Với đường biên giới chung dài hơn 3.200 km, hợp tác khu vực TGPT là cơ chế hợp tác quan trọng duy trì ổn định an ninh chính trị, an toàn xã hội tại khu vực biên giới ba nước. Hợp tác thương mại và đầu tư có bước phát triển; tại Lào, đến năm 2016, vốn đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam đạt khoảng 5,1 tỷ USD, đứng thứ 3 trong số các nước đầu tư vào Lào.

Chương 4: MỘT SỐ NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VỀ QUAN HỆ LÀO - VIỆT NAM (1986-2016)

4.1. Thành tựu và hạn chế trong quan hệ hai nước

4.1.1. Thành tựu

Thành tựu lớn nhất, căn bản nhất và quan trọng nhất là quan hệ trên lĩnh vực chính trị ngoại giao giữa hai nước trong bối cảnh mới không bị phai nhạt, mà trái lại, tiếp tục được duy trì và phát triển ở một cấp độ cao hơn. Từ sau năm 1986, cả hai nước đều chú trọng và coi lĩnh vực chính trị ngoại giao là lĩnh vực trọng yếu trong quan hệ giữa hai nước; được triển khai đồng bộ trên cả ba kênh: Đảng, Nhà nước và Nhân dân, từ cấp trung ương đến các địa phương.

Thành tựu thứ hai, là sự hợp tác và phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả giữa hai nước trong việc đảm bảo ổn định chính trị và quốc phòng an ninh của hai nước. Đó là việc thường xuyên phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau nâng cao năng lực quốc phòng an ninh, đảm bảo tuyến biên giới hòa bình, ổn định; thường xuyên phối hợp, hỗ trợ nhau nâng cao năng lực quốc phòng an ninh, góp phần đảm bảo ổn định và phát triển đất nước của mỗi nước.

Thành tựu thứ ba, là hai nước đã xây dựng và dần hoàn thiện hành lang pháp lý để các cơ quan, tổ chức và cá nhân thực hiện các

hoạt động quan hệ kinh tế giữa hai nước phù hợp với mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN. Với đà tăng trưởng kinh tế tốt, hành lang pháp lý đồng bộ và có sự điều chỉnh kịp thời, quan hệ kinh tế giữa hai nước có tốc độ tăng trưởng nhanh và ngày càng vững chắc. Những thành tựu trong hợp tác kinh tế đã và đang góp phần làm cho mối quan hệ được củng cố, ngày càng hoàn thiện và toàn diện, đi vào thực chất, vì lợi ích cốt lõi của mỗi bên.

Thành tựu thứ tư, là hợp tác trên lĩnh vực văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ được mở rộng về cả quy mô lẫn hình thức hợp tác. Số lượng lưu học sinh được đào tạo cơ bản, với cơ cấu ngành nghề và cấp học đã cung cấp cho cả hai nước đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên gia trong nhiều lĩnh vực, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của hai nước; là nhân tố quan trọng trong việc xây dựng mối quan hệ hữu nghị đặc biệt Lào - Việt Nam.

Thành tựu thứ năm, là hợp tác ở quy mô, cấp độ địa phương và ngoại giao nhân dân đã trở thành hình thức hợp tác hiệu quả. Đây chính là điểm đặc biệt trong quan hệ hai nước, là yếu tố quan trọng trong việc duy trì, phát huy tinh thần đoàn kết, hợp tác đặc biệt và toàn diện giữa hai nước bền vững.

Nguyên nhân là do bên cạnh sự tương đồng về ý thức hệ của hai Đảng cầm quyền, sự chia sẻ mục tiêu phát triển quốc gia, sự thấu hiểu cả những thuận lợi và khó khăn, thách thức của nhau trong bối cảnh cùng kiên trì con đường xây dựng CNXH trong bối cảnh thoái trào của phong trào cộng sản quốc tế. Như vậy, đó thực sự là nhu cầu hợp tác để tạo nên sức mạnh phát triển đất nước, gắn bó hai nước Lào - Việt Nam trong mối quan hệ đoàn kết hữu nghị đặc biệt trong suốt 30 năm kể từ sau khi cùng bắt đầu tiến hành công cuộc đổi mới ở mỗi nước.

4.1.2. Hạn chế

Thứ nhất, trong quan hệ còn có sự bất cân xứng nhất định. Quan hệ chính trị ngoại giao, quốc phòng an ninh được duy trì, gắn bó từ trước năm 1986, tiếp tục phát triển mà không bị tác động tiêu cực của những thay đổi trong bối cảnh mới. Trong khi quan hệ kinh tế chỉ thực sự khởi sắc từ khi Đổi mới ở mỗi nước đạt được những thành công nhất định và từ chỗ là đối

tác thương mại lớn nhất thì nay đã phải nhường vị trí cho các đối tác khác.

Thứ hai, trong quan hệ kinh tế cũng tồn tại sự mất cân đối giữa dòng vốn đầu tư. Đầu tư từ Lào sang Việt Nam luôn ở mức thấp so với đầu tư của Việt Nam sang Lào; giai đoạn 2001 - 2005 có 6 dự án, trị giá 16,1 triệu USD, năm 2016 lên 11 dự án, trị giá 98,5 triệu USD; trong khi các số liệu tương ứng từ Việt Nam sang Lào là với 19 dự án trị giá 12,9 triệu USD trong những năm 1996 - 2000 và 266 dự án năm 2016, với tổng số vốn đăng ký đạt 5,1 tỷ USD năm 2016.

Thứ ba, trên lĩnh vực giáo dục, đào tạo, sự mất cân xứng cũng thể hiện ở việc chủ yếu là Việt Nam đào tạo cho Lào; còn từ phía Lào là không đáng kể. Chỉ tính trong năm học 2014 - 2015, phía Lào có 9.259 học sinh đang học tập tại Việt Nam; trong khi Việt Nam chỉ có 428 học sinh đang học tập tại Lào, tức là cũng chưa bằng số học sinh Lào cử sang học tập tại Việt Nam mỗi năm, từ 550 - 560 học sinh.

Nguyên nhân của sự bất tương xứng trên là do mối quan hệ chính trị ngoại giao, quốc phòng an ninh giữa hai nước vốn bắt nguồn từ sự chia sẻ vận mệnh lịch sử quốc gia, sự tương đồng về ý thức hệ của Đảng cầm quyền dẫn đến nhu cầu hợp tác chặt chẽ giữa hai Đảng, hai Chính phủ và Nhân dân hai nước. Trong khi đó, tiềm lực kinh tế hạn chế đã ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả của quan hệ giữa hai nước so với các đối tác khác, do đó chưa thể nâng quan hệ kinh tế ngang tầm với quan hệ chính trị. Về lĩnh vực giáo dục và đào tạo, nguyên do cũng nằm trong những hạn chế về nguồn lực của Lào so với Việt Nam.

4.2. Tính chất, đặc điểm của quan hệ Lào - Việt Nam (1986-2016)

4.2.1. Tính chất

Thứ nhất là tính đặc biệt. Sự gắn bó thủy chung, hợp tác chặt chẽ và sự ủng hộ, giúp đỡ lẫn nhau vô điều kiện kể cả khi tình hình chính trị thế giới và khu vực thay đổi căn bản làm cho quan hệ Lào - Việt Nam (1986-2016) mang *tính đặc biệt*. Tính chất *đặc biệt* không chỉ gắn riêng với lịch sử quan hệ giữa hai dân tộc, gắn bó trong một môi trường đoàn kết đặc biệt mà còn đi liền với các nội hàm đặc biệt trong tổng thể quan hệ giữa hai nước không có trong các mối quan hệ khác.

Thứ hai là tính xuyên suốt, toàn diện và bền vững. Lào và Việt Nam vừa là láng giềng, vừa là bạn bè, đồng chí. Quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam là nhân tố xuyên suốt các chặng đường, cùng gắn bó với nhau, hỗ trợ, giúp đỡ nhau thực hiện công cuộc đổi mới đất nước trong khi kiên định con đường đi lên CNXH. Mỗi quan hệ đó vẫn vẹn nguyên kể cả khi mỗi bên đứng trước cơ hội phát triển quan hệ với các đối tác khác; không bị rạn nứt và phá vỡ cho dù các thế lực thù địch dùng nhiều thủ đoạn chống phá, chia rẽ.

4.2.2. Đặc điểm

(i) Mỗi quan hệ chiến lược bền vững, được hình thành và phát triển do yêu cầu khách quan của lịch sử mà hai nước gắn bó một cách tự nhiên với nhau. Yêu cầu khách quan đó không chỉ xuất hiện trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung mà cả trong thời kỳ Đổi mới.

(ii) Sự gắn bó mật thiết giữa Lào với Việt Nam vẫn vẹn nguyên, không thay đổi, không bị ảnh hưởng trước những biến động của tình hình chính trị quốc tế, khu vực; không bị rạn nứt và phá vỡ trước các hoạt động chống phá, chia rẽ.

(iii) Quan hệ Lào - Việt Nam được duy trì toàn diện trên cả ba kênh: Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Trong đó, đường lối phát triển quan hệ giữa hai nước được hai Đảng bàn bạc, thỏa thuận và thống nhất với nhau.

(iv) Mặc dù cả hai đều là những nước đang phát triển, nguồn lực của mỗi bên còn hạn chế, nhưng vẫn dành những ưu tiên, ưu đãi cho nhau, coi sự nghiệp xây dựng phát triển đất nước của bạn như nhiệm vụ tự thân của mình. Phương châm “*giúp bạn là giúp mình*” trong quan hệ Lào - Việt Nam thời chiến tranh đến nay vẫn giữ nguyên giá trị.

4.3. Tác động của quan hệ Lào - Việt Nam đến tình hình mỗi nước và khu vực

4.3.1. *Đối với Lào:* (i) Sự hợp tác kịp thời và hiệu quả của Việt Nam đã giúp Lào vượt qua những thời điểm khó khăn nhất để đứng vững và phát triển đất nước; trấn áp thành công các kế hoạch chống phá từ bên ngoài và các vụ nổi dậy phản loạn ở bên trong. (ii) Quan hệ hợp tác với Việt Nam đã giúp Lào giảm sức ép từ phía các nước láng giềng khác. Dù đã và đang có nhiều chính sách lôi kéo Lào, nhưng “*ở chừng mực nào đó,*

Lào vẫn lo ngại về ý đồ của Trung Quốc” và việc phát triển quan hệ toàn diện với Việt Nam cũng giúp Lào giảm bớt sức ép từ Thái Lan. (iii) Phát triển quan hệ toàn diện với Việt Nam giúp Lào có điều kiện chia sẻ kinh nghiệm đổi mới đất nước cũng như củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng NDCM Lào. (iv) Quan hệ hợp tác hữu nghị đặc biệt với Việt Nam thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế và nâng cao vị thế của Lào trên trường quốc tế.

4.3.2. Đối với Việt Nam: (i) Quan hệ hợp tác hữu nghị đặc biệt với Lào giúp Việt Nam có được lá chắn phía Tây vững chắc bảo vệ an ninh, ổn định đất nước. (ii) Về mặt chiến lược, việc duy trì và giữ vững mối quan hệ đặc biệt với Lào là một đảm bảo để ngăn chặn các thế lực khác tại khu vực thâm nhập và đứng chân tại Lào. (iii) Lào vẫn còn là một nước có trình độ phát triển kinh tế - xã hội còn thấp, do đó, trong quá trình quan hệ kinh tế với Lào giúp Việt Nam tận dụng những lợi thế, cơ hội để tăng cường mở rộng thị trường buôn bán và đầu tư ở Lào. (iv) Quan hệ hợp tác hữu nghị đặc biệt với Lào cũng góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Hầu hết trên các diễn đàn khu vực, hai nước thường đồng thuận với nhau về quan điểm và có cùng lập trường đối với các vấn đề nảy sinh.

4.3.3. Đối với khu vực

Việc Việt Nam rời Lào lần lượt gia nhập ASEAN đã chính thức xóa bỏ sự phân cực ở Đông Nam Á. Với vị trí địa - chính trị và tiến trình phát triển của mình, hai nước đã góp phần đưa các nhóm nước ASEAN xích lại gần nhau. Sự hội nhập mạnh mẽ từ những khác biệt của Lào và Việt Nam trong ASEAN đã tạo những chuyển biến về chất trong hợp tác khu vực.

Bên cạnh vai trò đoàn kết khu vực, hai nước cũng là nhân tố thúc đẩy sự phát triển của ASEAN, đóng vai trò quan trọng trong việc xác định chiều hướng phát triển, định hướng chiến lược và các quyết sách lớn của ASEAN, các tiến trình hợp tác khu vực do ASEAN khởi xướng; phối hợp chặt chẽ tại các diễn đàn quốc tế và đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quan hệ đối ngoại của ASEAN.

KẾT LUẬN

1. Quan hệ Lào - Việt Nam từ sau năm 1986 phát triển trong bối cảnh quốc tế, khu vực và tình hình mỗi nước có những thay đổi cơ bản. Chiến tranh lạnh chấm dứt, sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu và sự tan rã của Trật tự hai cực Yalta làm thay đổi căn bản tính chất của quan hệ quốc tế. Sự đổi đầu ý thức hệ không còn là yếu tố quyết định mối quan hệ giữa các quốc gia và nhường chỗ cho các vấn đề kinh tế, sắc tộc, tôn giáo. Trong bối cảnh chính trị toàn cầu hóa, khu vực hóa gia tăng thì tại Đông Nam Á cũng bắt đầu tiến trình hòa hợp, hòa giải và hội nhập. Lào và Việt Nam là hai nước trong số ít các đảng cộng sản vẫn duy trì được quyền lực. Từ năm 1986, trước tình hình trì trệ và yếu kém về kinh tế, cả Lào và Việt Nam đều tiến hành và tiến hành thành công công cuộc cải cách, đổi mới. Những thành tựu của công cuộc đổi mới đã làm thay đổi căn bản bộ mặt kinh tế - xã hội cũng như nâng cao đáng kể vị thế quốc tế của hai nước. Trong bối cảnh trên, trên cơ sở của Hiệp ước Hữu nghị và hợp tác giữa hai nước ký năm 1977, quan hệ Lào - Việt Nam giai đoạn 1986 - 2016 phát triển đồng bộ trên cả ba kênh: Đảng, Nhà nước và Nhân dân, từ cấp trung ương đến địa phương; phát triển một cách toàn diện trên tất cả các lĩnh vực từ chính trị ngoại giao, quốc phòng an ninh đến kinh tế, văn hóa giáo dục và các lĩnh vực khác.

Quan hệ Lào - Việt Nam giai đoạn 1986 - 2016 là sự tiếp nối mối quan hệ truyền thống gắn bó lâu đời của hai dân tộc Lào và Việt Nam - hai quốc gia láng giềng có chung đường biên giới, cùng chia sẻ thân phận lịch sử trong quá khứ, được sự lãnh đạo của hai Đảng có chung ý thức hệ. Do đó, mối quan hệ trên về bản chất không thay đổi, *vẫn là mối quan hệ hợp tác hữu nghị đặc biệt*.

2. Quan hệ trên lĩnh vực chính trị ngoại giao, quốc phòng an ninh từ sau 1986 tiếp tục được củng cố, trở thành hiện tượng có một không hai của mối quan hệ giữa hai quốc gia láng giềng thời hậu Chiến tranh lạnh. Trong bối cảnh mới, mỗi nước đều có nhiều cơ hội phát triển quan hệ với các quốc gia khác nhau trong và ngoài khu vực, tuy nhiên mỗi bên đều dành cho nhau thứ tự ưu tiên cao nhất trong quan hệ đối ngoại.

Trước những biến động của tình hình quốc tế, khu vực, Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và Đảng Cộng sản Việt Nam thường xuyên gặp gỡ, trao đổi, bàn bạc những vấn đề cấp thiết, quan trọng đối với sự nghiệp phát triển của mỗi bên. Hai bên tiếp tục củng cố mối quan hệ, hợp tác mọi mặt, hỗ trợ, giúp đỡ nhau thực hiện thành công công cuộc cải cách, đổi mới mà cả hai nước cùng tiến hành. Hai nước đã trao đổi nhiều chuyến thăm chính thức và thăm làm việc cấp cao, ký kết nhiều văn bản quan trọng đặt nền tảng cho quan hệ hai bên. Lào và Việt Nam cũng luôn ủng hộ lập trường của nhau trong các diễn đàn đa phương, hỗ trợ, giúp đỡ nhau thực hiện các nhiệm vụ quốc tế mà mỗi bên đảm nhận. Về quốc phòng an ninh, hai bên đã hợp tác, hỗ trợ nhau trong việc đảm bảo quốc phòng an ninh của mỗi nước, phối hợp khi cần thiết nhằm chống lại các thế lực thù địch chống phá sự nghiệp xây dựng đất nước ở mỗi nước. Với việc Việt Nam có lợi thế của một nước đông dân, có lực lượng quân đội được tổ chức, đào tạo bài bản, Lào đã nhận được sự hỗ trợ đặc lực của Việt Nam trong việc xây dựng và đào tạo lực lượng quân đội. Việc phân định cắm mốc biên giới giữa hai nước đã được thực hiện tích cực trong giai đoạn 1986 - 2016 và đã hoàn tất tạo điều kiện cho việc bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của mỗi nước, đồng thời cũng đảm bảo sự rạch ròi và bình đẳng của mối quan hệ giữa hai nước.

3. Trên lĩnh vực kinh tế, so với trước năm 1986, nhờ những thành tựu của công cuộc đổi mới ở mỗi nước, quan hệ kinh tế Lào - Việt Nam phát triển ngày một toàn diện hơn; quy mô và tính chất cũng có những thay đổi lớn. Việc hai nước ký kết hàng loạt những hiệp định hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư không chỉ từng bước hoàn thiện hành lang pháp lý làm cơ sở cho các hoạt động hợp tác kinh tế; mà còn làm thay đổi cơ bản tính chất của mối quan hệ kinh tế so với trước đó. Quan hệ thương mại giữa hai nước từ sau 1986 gia tăng đáng kể, với tổng kim ngạch thương mại tăng từ 7,8 triệu USD năm 1986 lên đến 1,12 tỷ USD năm 2015, tăng hơn 144 lần. Về đầu tư, đầu tư của Việt Nam vào Lào tăng từ vị trí thứ 4 giai đoạn 2001 - 2005 lên vị trí thứ 2 sau Trung Quốc giai đoạn 2006 - 2010, và giảm xuống vị trí thứ 3 giai đoạn 2011 - 2015. Tuy nhiên, đầu tư vẫn mang tính một chiều, chủ yếu từ Việt Nam

qua Lào, còn đầu tư của Lào ở Việt Nam không đáng kể, chủ yếu các dự án góp vốn với phía Việt Nam về giao thông vận tải.

4. Quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực khác tiếp tục được tăng cường, nhất là trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Cả hai bên đều có sự hỗ trợ lẫn nhau trong công tác đào tạo nguồn nhân lực. Tuy nhiên, số lượng học viên người Lào nhận được học bổng của Chính phủ Việt Nam sang học tại các cơ sở giáo dục của Việt Nam luôn cao hơn so với số lượng học viên người Việt Nam nhận học bổng của Lào sang học tập tại các cơ sở giáo dục của Lào. Việc nhiều học viên, sinh viên Lào tiếp tục sang học tập, đào tạo tại các cơ sở giáo dục Việt Nam không chỉ là biểu hiện của tăng cường hợp tác về giáo dục đào tạo, mà còn là một yếu tố đảm bảo cho quan hệ lâu dài giữa hai nước trong tương lai.

5. Ngoài khuôn khổ song phương giữa hai nước, quan hệ Lào - Việt Nam trên các lĩnh vực còn được thực hiện trên cấp độ đa phương như trong khuôn khổ Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á, Hợp tác Khu vực Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam, Tiểu vùng sông Mekong mở rộng. Trong khuôn khổ đa phương, Lào và Việt Nam vừa thực hiện tốt vai trò của mình, vừa hỗ trợ nhau hoàn thành các chương trình, dự án hợp tác đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng.

6. Tình hình chính trị, an ninh khu vực đã và đang diễn biến phức tạp, nhất là chính sách ngoại giao đầy tham vọng của một số nước có những tác động nhất định. Đặc biệt, những tác động từ tiêu cực từ các nhân tố bên trong và bên ngoài đang đặt ra những thách thức trong quan hệ hai nước. Tuy nhiên, trên cơ sở những truyền thống gắn bó của hai Đảng, hai Chính phủ và Nhân dân hai nước, với tính chất, đặc điểm của mỗi quan hệ, quan hệ Lào - Việt Nam trong thời gian tới vẫn sẽ phát triển tốt đẹp, là mối quan hệ đoàn kết đặc biệt; tiếp tục được Đảng, Chính phủ, và Nhân dân hai nước trân trọng gìn giữ, vun đắp; thống nhất đặt ưu tiên cao nhất là cùng nâng lên một giai đoạn phát triển mới, đó là mối quan hệ “*hữu nghị vĩ đại*”, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện; là mối quan hệ mẫu mực, hiếm có trên thế giới, là tài sản quý báu của hai nước, là quy luật phát triển của hai nước và là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng mỗi nước.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Trịnh Thị Định, Nguyễn Viết Xuân (2020), “Quan hệ thương mại Lào - Việt Nam giai đoạn 1991 - 2015 từ cái nhìn đối sánh với quan hệ thương mại Lào - Thái Lan”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 5 (242), tr.44-54.
2. Trịnh Thị Định, Nguyễn Viết Xuân (2020), “Quan hệ chính trị - an ninh Lào - Việt Nam (1986 - 2016)”, *Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới*, số 8 (292), tr.45-54.
3. Nguyễn Viết Xuân (2020), “Quan hệ hợp tác giữa Quảng Bình và Khammouane trong những năm đầu thế kỷ XXI”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2 (239), tr.79-87.
4. Nguyễn Viết Xuân (2020), “Hợp tác chặt chẽ Tiểu vùng sông Mê Công mở rộng, góp phần nâng tầm quan hệ Việt Nam - Lào”, *Tạp chí Cộng sản*, số 943, tr.106-111.
5. Nguyễn Viết Xuân (2020), “Hợp tác kinh tế của cư dân hai tỉnh Quảng Bình (Việt Nam) và Khăm Muộn (Lào)”, *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc*, Volume 9 Issue 2, June, tr.146-152.
6. Nguyễn Viết Xuân (2020), “Tác động của sự gia tăng ảnh hưởng của Trung Quốc đến quan hệ Lào - Việt Nam giai đoạn 1986 - 2016”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 9 (246), tr.20-26.
7. Nguyễn Viết Xuân (2020), “Những nhân tố tác động đến quan hệ Lào - Việt Nam (1986 - 2016)”, *Tạp chí Khoa học - Đại học Huế*, tập 129, số 6A, tr.77-91.
8. Nguyễn Viết Xuân (2020), “Hợp tác kinh tế giữa tỉnh Khammouane (Lào) và Quảng Bình (Việt Nam) trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI: Thực trạng và vấn đề đặt ra”, *Tạp chí Khoa học - Đại học Khoa học Huế*, tập 16, số 3, tr.113-122.
9. Nguyễn Viết Xuân (2020), “Nhân tố Trung Quốc trong quan hệ Lào - Việt Nam (1986 - 2016)”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Quảng Bình*, số 20 (02), tr.85-96.

**HUE UNIVERSITY
UNIVERSITY OF SCIENCES**

NGUYEN VIET XUAN

LAOS-VIETNAM RELATIONS (1986 - 2016)

Major: World History

Code: 9.22.90.11

Doctoral Thesis in History

HUE - 2021

The work was completed at: University of Sciences, Hue University.

Scientific Supervisor: Assoc. Prof. Trinh Thi Dinh.

Reviewer 1:

.....

Reviewer 2:

.....

Reviewer 3:

.....

The thesis will be defended at Hue University Thesis Judging Committee, meeting at: No.4 Le Loi, Hue City, Thua Thien Hue province.

At, day month year

The thesis can be found at: Library of University of Sciences, Hue University and National Library of Viet Nam.

**HUE UNIVERSITY
UNIVERSITY OF SCIENCES**

NGUYEN VIET XUAN

LAOS-VIETNAM RELATIONS (1986 - 2016)

Major: World History

Code: 9.22.90.11

Doctoral Thesis in History

Scientific Supervisor:

Assoc. Prof. Trinh Thi Dinh

HUE - 2021

TABLE OF CONTENTS

INTRODUCTION	1
CHAPTER 1: OVERVIEW OF RESEARCH SITUATION OF LAOS - VIETNAM RELATIONSHIP (1986-2016)	5
1.1. Research situation in the country	5
1.2. Research situation abroad	6
1.3. Comments on the research situation and problems posed for the thesis	9
CHAPTER 2: BASIS AND FACTORS AFFECTING LAOS - VIETNAM RELATIONSHIP (1986 - 2016)	10
2.1. Laos - Vietnam Relations Foundation	10
2.2. Factors affecting Laos - Vietnam relations	10
CHAPTER 3: LAOS - VIETNAM RELATIONSHIP IN MAJOR FIELDS (1986 - 2016)	11
3.1 Political-diplomatic relations	11
3.2. Defence-security relations	12
3.3. Economic relations	12
3.4. Cultural educational - training and scientific - technological relations	14
3.5. Laos-Vietnam cooperation at the multilateral level	14
CHAPTER 4: SOME COMMENTS and ASSESSMENTS ON LAOS - VIETNAM RELATIONSHIPS (1986-2016)	15
4.1. Achievements and limitations in the relationship between the two countries	15
4.2. Nature and characteristics of Laos - Vietnam relations (1986-2016)	17
4.3. Impact of Laos - Vietnam relations on the situation of each country and region	18
CONCLUSIONS	20
REFERENCES	i

INTRODUCTION

1. Reasons for choosing the topic

Born and tempered and tested in the struggle for and defence of national independence, the Laos - Vietnam relationship, fostered by generations of leaders and people of the two countries, has become a friendly relationship and special solidarity.

In 1986, both countries began to carry out the renovation work, along with the expansion of diplomatic relations and active international and regional integration, Laos - Vietnam relations entered a new phase. This is also a period when international relations in Southeast Asia have improved markedly, polarization has ended, ASEAN has been expanded, and cooperation within and outside the bloc has been strengthened. Southeast Asia, especially Laos and Vietnam, with the achievements of the economic reform and opening up, is the destination of major economic partners and the target of penetration of the major powers with their plans. New factors emerge such as the rise of China; The adjustment of foreign strategies of countries with interests attached to Southeast Asia have been and are significant factors affecting the development and international relations in the region.

Although both countries have significantly improved and expanded their international relations, actively integrated internationally and regionally, and significantly enhanced their international position, the relationship between the two countries is still appreciated by Laos and the Philippines. Vietnam identifies as “a special relationship”; agreed to elevate the relationship between the two countries to a “great friendship” relationship. In fact, Laos-Vietnam relations since 1986 have continued to be promoted and expanded in all fields, in all channels of the Party, State and People, from the central to local levels.

In recent decades, Laos has been attracting the attention of external partners, especially neighbouring countries with economic potential such as China, Thailand,... From the above perspective, although Laos -

Vietnam relations (1986-2016) is not entirely a new topic, comprehensive and systematic research fully identifies the factors that promote and threaten, hinder the relationship between the two countries, along with the importance of maintaining and developing relations with neighbouring countries “as the lips are open so are-mouth teeth cold” is an issue of high theoretical and practical significance, contributing as a basis for planning appropriate policies to maintain and develop relations between the two countries in the new period.

With the above meaning, we choose the issue “Laos - Vietnam relations (1986-2016)” as the doctoral thesis, majoring in World History.

2. Research aim and objectives

- Aim: The thesis clarifies the movement, characteristics, nature and impact of the Laos - Vietnam relationship on different aspects, both bilateral and multilateral in the 1986-2016 period, in the international and regional context and the situation of each country based on objectively and systematically realistic reappearance, there have been fundamental changes.

- Objectives: (1) Analyze and clarify the basis and factors affecting the relationship; explain the factors that make up the special friendship and comprehensive cooperation between Laos and Vietnam; (2) Systematize the process of relations between the two countries in the fields of politics and diplomacy; defence security; economic and some other vital fields; (3) Evaluate the outstanding achievements, difficulties, limitations and inadequacies in the relationship and its impacts on the situation of each country and region.

3. The object and scope of the research

3.1. The research object of the thesis is the development of Laos - Vietnam relations in various fields from 1986 to 2016.

3.2. Research scope:

- About space: Researching the relations between Laos and Vietnam in the fields of political diplomacy, national defence and security, economy and some other fields.

- About time: Research and clarify the relationship between Laos - Vietnam from 1986 to 2016. However, the relationship between Laos - Vietnam in the period before 1986 is also mentioned in the thesis to help better understand the origin and premise of that relationship.

- About the content: The thesis focuses on clarifying the progress of the Laos - Vietnam relations (1986-2016) in the main fields. Relations between the two countries are mentioned on bilateral and multilateral channels, cooperation, and interaction on regional and international organizations and forums. In addition, the thesis also examines the relationship between the border provinces of the two countries to see the characteristics of the relationship between the two countries with a border length of more than 2,337 km.

4. Material sources:

- Original sources: Documents related to the external relations of the two parties and two states; Agreements, Joint Declarations, Letter of Agreement, Protocols, Memorandum of Understanding and Cooperation between the two Governments; periodic reports, minutes and summaries; statistical documents of relevant ministries, departments and branches; databases of a number of international agencies and organizations are published on official websites.

- Secondary sources: Inheriting research results of previous scholars published in monographs, articles published in specialized journals, presentations at scientific conferences, a number of doctoral theses, specialized theses and a number of research articles, political commentary - international news exploited on websites.

5. Research methods

- The thesis is carried out based on the theory of dialectical and historical materialism, Marxist - Leninist viewpoints, Ho Chi Minh's thoughts and the views and policies of the Communist Party of Vietnam on special friendship and comprehensive cooperation between the two countries.

The two main historical research methods are the historical and logical methods, which are applied throughout the project in

combination with other specialized and interdisciplinary research methods.

6. Significance of the research

- In terms of science: As a relatively systematic and comprehensive research work, the thesis clarifies the relationship process in major fields during the 30 years of Reform (Doi Moi, 1986-2016) from a historical perspective. From the research results, the thesis comments on the achievements, limitations, nature and characteristics of the relationship and its impact on the development of each country and region.

- In terms of practicality: The thesis is a necessary document for teaching, learning and research. At the same time, it contributes to providing an objective, scientific, historical perspective on Laos - Vietnam relations that Vietnamese policymakers can refer to in formulating foreign policy in general, proposing appropriate and timely countermeasures in relations with Laos; contributing more theoretical foundations for the renewal of Laos-Vietnam relations in the context that the two countries are strengthening regional and international integration.

7. Dissertation layout

In addition to the introduction, conclusion, list of references and appendices, the main content of the thesis includes four chapters as follows:

Chapter 1. Overview of Previous researches on Laos - Vietnam relations (1986-2016)

Chapter 2. Background and factors affecting Laos - Vietnam relations (1986-2016)

Chapter 3. Laos - Vietnam relations in major fields (1986-2016)

Chapter 4. Some comments and assessments on Laos - Vietnam relations (1986-2016).

CONTENT

Chapter 1: OVERVIEW OF RESEARCH SITUATION OF LAOS - VIETNAM RELATIONSHIP (1986-2016)

1.1. Research situation in the country

Based on material sources, we divide into the following main groups:

The first group: Works and articles that are oriented to the development of Laos - Vietnam relations. In the studies of the Party and the State leaders, the relationship between the two countries is confirmed to be a valuable asset. The leaders of the two countries directed the functional agencies to compile the work “History of special relations between Vietnam - Laos, Laos - Vietnam (1930-2007)”; The Central Propaganda Department has the work “Special relations between Vietnam and Laos (1930-2017)”. The above works reflect the relationship between the two countries since the signing of the Treaty of Amity and Cooperation (1977); At the same time, it also shows the official views of the two countries on the special relationship between Laos and Vietnam.

The second group: The overall studies of Laos - Vietnam relations mainly studies on the formation and development of the Vietnam-Laos relationship, from the relationship of fighting solidarity to the special friendship and comprehensive cooperation with revolutionary strategies, such as: inevitable and objective laws such as “The special relationship between Vietnam and Laos” (Vu Duong Huan, editor, 2003); “Developing the Vietnam-Laos cooperation relationship in a new context” (Nguyen Duy Dung, 2012), “The special relationship of comprehensive cooperation between Vietnam and Laos in the period 1954-2017” (Le Dinh Chinh, 2017))...

The third group: Research relations on specific fields. Typically there are “55 years of special friendship and comprehensive cooperation between Vietnam and Laos” (Nguyen Xuan Thang, 2017); “The special relationship and comprehensive cooperation between Vietnam and Laos is an objective requirement and a factor ensuring the victory of each country’s revolution” (Nguyen Tien Ngoc, 2007); “Looking back at 55

years of political-diplomatic relations between Vietnam and Laos (1962-2017)” (Truong Duy Hoa, 2017); “Vietnam - Laos comprehensive cooperation relationship 2011-2017” (Nguyen Hao Hung, 2017); “Factors influencing the special Laos-Vietnam relationship from 1986-2011” (Nhotkhamani Souphanouvong, 2016); “Vietnam - Laos economic cooperation: Situation and orientation towards 2020” (Nguyen Quang Hiep, 2012); “Vietnam - Laos economic relations in recent years” (Nguyen Thuong Huyen, 2019); “Vietnam - Laos cooperation in the fields of education - training, culture - art” (Do Thi Thao, 2012), “Vietnam - Laos people-to-people friendship and cooperation” (Tran Trong Khanh, 2007)... The fourth group: Studies on the relations between the three countries on the Indochinese peninsula concerning the Laos - Vietnam relationship. Typically there is “Vietnam - Laos - Cambodia Development Triangle: From theory to practice” (Nguyen Duy Dung, editor, 2010); “Development triangle” in the integration space of three countries Vietnam - Laos - Cambodia” (Nguyen Thi Thanh Van, 2016); “Promoting investment activities in the development triangle area of Cambodia and Laos, Vietnam” (Nguyen Dinh Hien, 2013); “Vietnam - Laos - Cambodia cooperation to solve non-traditional security issues in terms of integration” (Le Quang Manh, 2016), “Cultural and social cooperation between Laos - Vietnam - Cambodia” (Sompheng Xaynhavong, 2019)... pointed out that the three countries have commonalities, creating a solid foundation for the relationship, which not only helps the three countries unite to fight to defeat the common enemy but also creating a position for mutual development in the current period.

1.2. Research situation abroad

The first group: The works summarize and assess the economic and social development situation, foreign affairs and international relations of Laos, and the relationship between Laos and Vietnam. In Laos, the works of Lao Party and State agencies include “Socio-economic development of Laos (1975-2000)” (Ministry of Foreign Affairs, 2001); “Summarizing foreign affairs from 1995-2008” (Central Committee for External Relations, 2009); “Socio-Economic Development in the 40-year period of

Lao PDR 1975-2015” (Ministry of Planning and Investment, 2015); “The achievement of 25 years of cooperation between the Lao People's Democratic Republic and the Socialist Republic of Vietnam (1975-2000)” (Pathet Lao News Agency, 2000); “Laos - Vietnam cooperation for development” (Ministry of Industry and Trade, 2009); “The premise of cooperation in the field of security and defence between Laos and Vietnam” (Ministry of National Defense, 2007), “Short summary of achievements in economic, cultural, scientific and technical cooperation between Laos and Vietnam” (Ministry of National Defense, 2007), “Laos - Vietnam in the past 30 years (July 18, 1997 - July 18, 2007)” (Laos - Vietnam Cooperation Sub-Committee, 2007)... The above works provide assessments revealing Lao side's view on the relationship with Vietnam shows that the Lao side recognizes and appreciates the necessity and effectiveness of the cooperation relationship with Vietnam for the cause of national construction and development of Laos. These can be considered as the official views of the Lao Party and State on Laos - Vietnam relations. In addition, there are a number of research projects on Laos - Vietnam relations by Lao researchers, such as “The situation of economic, cultural, scientific and technical cooperation between Lao PDR and the Socialist Republic of Vietnam in the period of 30 years. (1977-2007)” (Phetsamone Sorasuern, 2007); “Evaluating the implementation of the agreement on economic, cultural, scientific and technical cooperation between the Government of the Lao PDR and the Socialist Republic of Vietnam in the period 1996-2000, orientations and plans for cooperation in the period 2001-2005” (Phitsanou Souvannhna, 2000), “Measures to strengthen special solidarity and comprehensive cooperation between Laos and Vietnam” (Nhotkhamani Souphanouvong, 2015)... reflect the development of relations between the two countries.

In addition, the WB, ADB and OECD also conduct annual studies on the socio-economic situation, referring to the economic situation, opportunities and challenges for the Lao economy or the study “Laos in 2005: 30 Years of the People's Democratic Republic” (Dean Forbes - Cecile Culter, 2006) which refer to the achievements of Laos after 30 years

of its establishment, mention and evaluate the increasingly tight Laos-Vietnam special relationship.

The second group: Lao studies in regional cooperation. For example, “Indochina Economic Reconstruction and International Cooperation” (Tutomu Murano, 1992); “The Special Economic Zones of the Greater Mekong Subregion: Land Ownership and Social Transformation” (John Walsh, 2015), “Challenges, Prospects and Strategies for CLMV Development: The Case of Lao PDR”, (Leeber Leebouapao, 2008)... The relations between Laos and a number of countries in the region, especially with China, are a matter of interest to many international researchers, such as “Laos: The Chinese Connection” (Martin Stuart-Fox, 2009); “Laos' High - Speed Railway Coming Round the Bend” (Nick Freeman, 2019), “Laos on a fast track to a China debt trap” (David Hutt, 2018) and own Chinese research such as “Report on China - Laos Cooperation Opportunities under the Belt and Road Initiative in 2018” (Xinhua Silk Road Information Service, 2018), “China's Economic Aid to CLMV and It's Economic Cooperation with Them” (Zhu Zhenming, 2010)...

The third group: Direct research works on Laos - Vietnam relations. Since 1991, studies on Laos have mentioned the transformation of Laos' position in the region and in relations with neighboring countries, including Vietnam. “Laos: From Buffer State to Crossroads?” (Vatthana Pholsena, Michael Smithies, 2006). Some comments on the foreign relations of Laos in general and the relationship between Laos and Vietnam in the new context, such as “Vietnam - Laos Defense Ties in the Headlines With Border Meeting” (Prashamth Parameswaran, 2018); “Vietnam's Sole Military Ally” (Khang Vu, 2020); “Laos: China's «Pivot State» in Mainland ASEAN” (Par Andrew Korybko, 2015); “China's Influence Steadily Grows in Laos, Weathering Political Change” (Michael Hart, 2017) or “Same - Same but Different”: Laos and Cambodia's Political Embrace of China” (Edgar Pang, 2017)... Objectively speaking, observations and evaluations generally show that Laos' relationship with Vietnam is no longer the only relationship of Laos. Other factors such as Thailand due to their cultural similarities or China, due to its ambitions, is

“squeezing in” and showing signs of “encroaching” on Laos' foreign relations; however, as many researchers say, both Thailand and China have yet achieved a high priority in Laos' politics

1.3. Comments on the research situation and problems posed for the thesis

Firstly, the Laos - Vietnam relationship is supported by the Party and State agencies of the two countries. There are research summaries, comments, assessments, and views of the leaders of the two countries on the special relationship between Laos and Vietnam.

Secondly, domestic research is relatively rich and diverse, mentioning the achievements, limitations, and lessons learned in the cooperation relationship between the two parties, the two governments and the two peoples; between industries and fields in a number of specific periods. However, mainly for propaganda purposes, the relationship between Laos and Vietnam in the past 30 years of Doi Moi has not been systematically studied from a historical perspective.

Thirdly, in Laos, although it also identifies the Laos-Vietnam relationship as a special relationship, there have not been any comprehensive and elaborate studies from a historical perspective, especially in the past 30 years of Doi Moi. Research on Laos - Vietnam relations is mainly carried out in Vietnam by authors and graduate students who are sent to study and train in Vietnam, therefore, the objectivity of the points that the authors make also have certain limitations.

Fourthly, abroad, Laos - Vietnam relations are mentioned mainly in the period before 1986; since 1986, there have been few direct studies on the issue that only mentioned the position and role of Vietnam or compared the Vietnamese factor with other factors in Lao politics.

In general, although there have been a number of studies, there has not been a systematic and comprehensive study of Laos - Vietnam relations (1986-2016) as an independent work with the commentary, viewed from a historical perspective. In the published studies, the majority of researchers are biased towards international relations or geopolitics. However, this is a valuable reference source, helping us to develop ideas, content and select

research methods systematically. The above sources are an important basis for completing the thesis topic “Laos - Vietnam relations (1986-2016)” from the perspective of historical science. As an independent work, the thesis will deal with issues such as how did the special relationship between Laos and Vietnam take place in the period 1986-2016? What is the basis of the special nature of Laos-Vietnam relations in the current context when it is clear that Laos is the object of “courtship” by outside forces? What are the characteristics and nature of the special Laos-Vietnam relationship and the importance of this relationship for each country now and in the future?

Chapter 2: BASIS AND FACTORS AFFECTING RELATIONSHIP LAOS - VIETNAM (1986 - 2016)

2.1. Laos - Vietnam Relations Foundation

Laos - Vietnam relations (1986-2016) developed based on geographical and cultural proximity; sharing the historical status of being French colonies and sticking together in the struggle for national independence under the leadership of the Indochinese Communist Party; then in the Coalition to Fight against Invasion; unite to fight against American intervention, liberate the country; support and help each other in the recovery and development of the country after the war. Thus, before the two countries carried out the doi moi process, the relationship between the two countries was relatively comprehensively developed in all fields, laying the legal foundation for developing the relationship between the two countries in the following phase.

2.2. Factors affecting Laos - Vietnam relations

2.2.1. Internal factors: Laos' outstanding and thorough foreign policy towards Vietnam and vice versa is to continue consolidating, strengthening, and is determined to preserve and promote the special Laos-Vietnam relationship as a priceless resource property of the two peoples; consider it the law of survival, the law of development and a factor ensuring the victory of each country's cause of national construction and defence. The development of Laos - Vietnam relations

are influenced by the similarity of ideology, national goals and national interests of the two countries. On the other hand, the success of the two countries' *doi moi* is the internal factor that positively impacts all fields, helping the two countries' relations continue to be strengthened despite the influence of external factors.

2.2.1. External factors: The positive change of the regional and international situation, especially the role of ASEAN, has become a factor that has a positive impact, creating favourable conditions for the development of Laos - Vietnam relations. The Thai factor is considered to have many advantages in relations with Laos, in which the strong development of economic relations between Laos and Thailand, on the one hand, has surpassed the economic relations between Laos and Vietnam, but on the other hand, has an impact on the growth of economic relations between Laos and Vietnam. Meanwhile, China has clearly shown its intention to draw Laos into its sphere of influence, showing that it is a threat factor and fierce competition for influence with Vietnam in Laos. However, despite causing great concern for Laos-Vietnam relations, the Chinese factor shows that it has not changed the special nature of Laos-Vietnam relations, while the Thai factor is showing positive effects on Laos - Vietnam relations.

Chapter 3: LAOS - VIETNAM RELATIONSHIP IN MAJOR FIELDS (1986 - 2016)

3.1. Political-diplomatic relations

Based on ideological similarities between the two ruling parties, Laos and Vietnam continue developing and strengthening their close ties in the new context. Therefore, although each country's economic management mechanism has changed, the international relations of each side have been expanded, thanks to the similarity of ideology and the sharing of national goals. Laos and Vietnam continue to maintain a special friendship and solidarity, sticking together to cause national construction and development in the new context.

The mode of leadership in political and diplomatic relations

between the two sides is carried out through the annual High-Level Agreement between the two Parties, a fundamental feature of the Laos-Vietnam diplomatic and political relations. Leaders of the two countries regularly meet, exchange information and consult each other from theoretical and practical issues, the experience of the doi moi process, on cooperation methods between the two countries to other issues in regional and international cooperation related to the interests of each country; clearly express their views, support each other in regional and international issues and forums.

People-to-people diplomacy activities between the two countries are deployed regularly and are an essential and effective cooperation channel, especially between border provinces and sister localities.

3.2. Defence-security relations

- The two sides identify Vietnam - Laos cooperation in the field of defence and security as a key field and one of the pillars of the special relationship between the two countries to maintain a stable environment for development in each country; continue to coordinate well in the implementation of border agreements and conventions; prevent and promptly handle acts of border encroachment, build a border of peace and friendship; coordinate in the fight against cross-border crimes; gather the remains of Vietnamese volunteers and experts who died in Laos; to step up the signing of agreements on defence and security; closely and successfully cooperate in non-traditional security issues. This is also the fruit of the tradition of friendship, special solidarity and comprehensive cooperation, mutual understanding and respect between the two peoples, a rule for existence and development, and a factor to ensure the victory of the cause of national construction and defence of both Laos and Vietnam.

3.3. Economic relations

- *Economic cooperation agreements are signed*, such as conventions, protocols and important cooperation agreements. The creation of a legal corridor together with the socio-economic development achievements of the two countries have created an essential premise for economic relations to develop. The two sides have also coordinated to open eight pairs of

international border gates, seven main border gates, 18 auxiliary border gates, many trails, openings and a system of border markets; establishing nine border-gate economic zones in order to create favourable conditions for trade and goods exchange between the two countries.

- *Cooperation in the field of trade* achieved many important results. Trade turnover increased from 7.8 million USD in 1986 to 823.3 million USD in 2016, the highest in 2014, reaching 1.286 billion USD. On average, in 2011 - 2016, the growth rate of imports and exports between the two countries reached about 1 billion USD/year. From a deficit in the trade balance with Vietnam before 1990, since 1991, the trade balance had mainly tilted towards Laos, except in 2016 when Vietnam achieved a surplus of nearly 133 million USD.

- *Cooperation in the field of investment* is considered a new point in the relationship between the two countries. Especially since 1996, the success of the doi moi in the two countries, together with the signing of the Agreement on Investment Promotion and Protection (1996), has opened up many opportunities for investment activities between the two countries. By 2016, investment from Laos to Vietnam had 11 projects with a total registered capital of over 98.5 million USD; From Vietnam, there are 266 projects worth 5.1 billion USD. Essential results in investment cooperation between the two countries have contributed to elevating the special friendship and comprehensive cooperation between Laos and Vietnam.

Economic cooperation between provinces along the border of the two countries has also achieved positive changes, contributing to consolidating and developing the traditional friendship, special solidarity and comprehensive cooperation between the two countries.

- *Development cooperation relationship* continues to be maintained. Although both are developing countries, the two sides always support each other, especially from Vietnam, thereby promptly supporting Laos in human resource development, infrastructure development, energy, hunger eradication and poverty reduction... and mainly funded by Vietnam. From 1996 - 2000, Vietnam has given aid of about 26.6 million USD/year, and from 2001 until now, about 593 - 1,000 billion VND per year (equivalent

to over 45 million USD). This is also a factor contributing to the special nature of the Laos-Vietnam relationship.

3.4. Cultural, education - training and science - technological relations

- *In the field of culture*: Based on economic, cultural, scientific-technical cooperation agreements annually and in each period, the two countries' cultural and information sectors closely coordinate and implement activities to promote cultural and economic cooperation, cultural exchange, cultural week; construction of cultural works; training experts in the fields of culture - art; coordinate in organizing propaganda and education activities about the special friendship and solidarity between the two countries.

- *In the fields of education - training, and science - technology* is cooperation a strategic priority for the long-term interests of the two countries; implemented from central to local levels, accounting for the highest proportion of investment compared to other fields and continuously increased and expanded in various forms from ministries, branches, mass organizations, local, business. In addition to appointing experts to coordinate developing curricula and fostering teachers, the two sides also create favourable conditions for overseas students to study in each country. Every year, Laos receives from 10-25 Vietnamese students to study. Vietnam accepts Lao international students at most of the higher education institutions/colleges. Besides training human resources, Vietnam also trains key cadres in the political system for Laos. The localities of the two countries also promote cooperation; as of December 2016, out of a total of 14,209 cases studying in Vietnam, 5,266 students are eligible for scholarships from sister localities. In the field of science - technology, the two sides collaborated in research and compilation of the work *History of special relations between Laos - Vietnam, Vietnam - Laos (1930-2007)*; *Lao culture in the context of globalization*; *Vietnamese community in Laos*; coordinate in translating the classics of Marx, Engels, Lenin and Ho Chi Minh's thought from Vietnamese to Lao; organizing seminars, *coordinating economic, cultural, historical, geographical research...*

3.5. Laos - Vietnam cooperation at the multilateral level

Within the ASEAN framework, Laos and Vietnam have closely coordinated with other countries in the region to build the ASEAN Community, promoting the joint development of the region; made efforts together with relevant countries to resolve hot issues and disputes by peaceful means, promote the observance and implementation of fundamental principles following international law; actively implemented the DOC and developed the COC.

Within the framework of the Greater Mekong Subregion (GMS), the two countries have coordinated with other countries in the Subregion to deploy cooperation mechanisms from economy, infrastructure, tourism, training to solving non-traditional security issues and developing legal frameworks, protecting the ecological environment of the river basin as well as promoting joint projects.

Within the Cambodia - Laos - Vietnam DTA framework, the three countries have regularly maintained cooperation activities, especially in economics. With a common border of more than 3,200 km, cooperation in the DTA is a vital mechanism to maintain political stability and social safety in the border areas of the three countries. Trade and investment cooperation has developed; In Laos, by 2016, the investment capital of Vietnamese enterprises reached about 5.1 billion USD, ranking third among countries investing in Laos.

Chapter 4: SOME COMMENTS and ASSESSMENTS ON LAOS - VIETNAM RELATIONSHIPS (1986-2016)

4.1. Achievements and limitations in the relationship between the two countries

4.1.1. Achievements

The most significant, most fundamental achievement is that the political and diplomatic relations between the two countries in the new context have not faded, but on the contrary, continued to be maintained and developed to a higher level. Since 1986, both countries have focused on and considered political diplomacy as an essential field in the

relationship between the two countries; it deployed synchronously on all three channels: Party, State and People, from central to local levels.

The second achievement is the close and effective cooperation and coordination between the two countries to ensure political stability and national defence and security. That is the regular coordination and mutual assistance to improve national defence and security capacity, ensure a peaceful and stable borderline; regularly coordinate and support each other to improve national defence and security capabilities, contributing to ensuring stability and national development of each country.

The third achievement is that the two countries have built and gradually completed a legal corridor for agencies, organizations and individuals to carry out economic activities between the two countries following the market economic mode with socialist orientation. With good economic growth momentum, a synchronous legal corridor and timely adjustments, economic relations between the two countries have grown increasingly solid. The achievements in economic cooperation have contributed to strengthening the relationship, becoming more and more complete and comprehensive, into the essence, for the core interests of each party.

The fourth achievement is that the cooperation in culture, education and training, science and technology has been expanded in both scale and form of cooperation. The number of international students receiving basic and methodical training, with the reasonable structure of occupations and levels of education, has provided both countries with managerial staff and experts in many fields, making important contributions to the construction and defense of the Fatherland of the two countries; is an important factor in building the special friendship relationship between Laos and Vietnam.

The fifth achievement is that the cooperation at local level and people-to-people diplomatic level have become an effective cooperation form. This is a special point in the relationship between the two countries, an important factor in maintaining and promoting the spirit of

solidarity and sustainable, special and comprehensive cooperation between the two countries.

The reason is besides the ideological similarities of the two ruling parties, the sharing of national development goals, the understanding of each other's advantages, difficulties and challenges in the context of mutual perseverance on the road to build socialism in the context of the decline of the international communist movement. Thus, it is really a need for cooperation to create the strength for national development, sticking the two countries of Laos - Vietnam in a special friendship and solidarity relationship during the 30 years since the beginning of the renovation work in each country.

4.1.2. Limitations

First, there is a certain asymmetry in the relationship. Political, diplomatic, defence and security relations have been maintained and attached since before 1986 and continued to develop without being negatively affected by changes in the new context. Meanwhile economic relation has only really improved since the Reform in each country, achieved certain successes, and from being the largest trading partner, they have now had to give way to other partners.

Second, in economic relations, there is also an imbalance between investment capital flows. Investment from Laos to Vietnam is always low compared to investment from Vietnam to Laos; period 2001 - 2005 has 6 projects, worth 16.1 million USD, in 2016 to 11 projects, worth 98.5 million USD; while the corresponding figures from Vietnam to Laos are 19 projects worth 12.9 million USD in the years 1996 - 2000 and 266 projects in 2016, with a total registered capital of 5.1 billion USD in 2016.

Third, in the field of education and training, the asymmetry is also reflected in the fact that Vietnam mainly trains Laos; and from the Lao side is not significant. Only in the 2014 - 2015 school year, Laos has 9,259 students studying in Vietnam, while Vietnam has only 428 students studying in Laos, which is not equal to the number of Lao students sent to study in Vietnam each year, from 550 to 560 students.

The cause of the above disparity is the political, diplomatic, defence

and security relationship between the two countries, which originates from the sharing of national historical destiny and the ideological similarities of the ruling Party leading to the need for close cooperation between the two parties, the two governments and the two peoples. Meanwhile, the limited economic potential has affected the efficiency of the relationship between the two countries compared to other partners, so it has not been possible to raise the economic relationship to the same level as the political one. In the field of education and training, the reason is also in the resource limitations of Laos compared to Vietnam.

4.2. Nature and characteristics of Laos-Vietnam relations (1986-2016)

4.2.1. Nature

The first nature is special. Faithful attachment, close cooperation and unconditional mutual support and assistance even when the political situation in the world and the region changed radically made Laos-Vietnam relations (1986-2016) is special. The special nature is not only associated with the history of relations between the two peoples, related with a special solidarity, but also connected with special connotations in the overall relationship between the two countries that are not present in other relationships.

The second nature is continuation, comprehensiveness and sustainability. Laos and Vietnam are both neighbours, friends and comrades. The special relationship between Laos and Vietnam is a factor throughout the journey, sticking together, supporting and helping each other to renovate the country while being steadfast on the path to socialism. That relationship remains intact even when each side faces the opportunity to develop relationships with other partners, not be fractured and broken even though hostile forces use many tricks to destroy and divide.

4.2.2. Characteristics

(i) Sustainable strategic relationship, formed and developed by objective requirements of history, so that the two countries are naturally attached. That objective requirement not only appeared in the struggle against the common enemy but also the Doi Moi period.

(ii) The close relationship between Laos and Vietnam remains unchanged and unaffected by fluctuations in the international and regional political situation; not be fractured and broken before breaking and divisive activities.

(iii) Laos - Vietnam relations are comprehensively maintained on all three channels: Party, State and People. In particular, the way to develop relations between the two countries was discussed and agreed upon by the two parties.

(iv) Although both are developing countries, each party's resources are limited, they still give each other priorities and preferences, considering the cause of building and developing the other country as a task of their own. The motto "*Helping friends is helping ourselves*" in Laos-Vietnam relations during the war remains valid.

4.3. Impact of Laos-Vietnam relations on the situation of each country and region

4.3.1. For Laos: (i) The timely and effective cooperation of Vietnam has helped Laos overcome the most difficult times to stand up and develop the country; successfully suppressed counter-plans from outside and rebellions inside. (ii) Cooperation with Vietnam has helped Laos reduce pressure from other neighbouring countries. Although there have been many policies to attract Laos, "to some extent, Laos is still worried about China's intentions" and developing comprehensive relations with Vietnam also helps Laos reduce pressure from Thailand. (iii) Developing comprehensive relations with Vietnam helps Laos share its experience of national renewal and strengthen the leadership role of the Lao People's Democratic Party. (iv) The special friendly cooperation relationship with Vietnam promotes international integration and enhances Laos' position in the international arena.

4.3.2. For Vietnam: (i) The special friendly cooperation with Laos helps Vietnam have a solid western shield to protect national security and stability. (ii) Strategically, maintaining and consolidating a special relationship with Laos is a guarantee to prevent other powers in the region from entering and staying in Laos. (iii) Laos is still a country with a low

level of socio-economic development; therefore, in economic relations with Laos, it helps Vietnam take advantage of strengths and opportunities to expand trade and investment market in Laos. (iv) The special friendly cooperation relationship with Laos also enhances Vietnam's position in the international arena. In most regional forums, the two countries often agree on views and have the same stance on emerging issues.

4.3.3. As for the region, the joining of Vietnam and Laos to ASEAN has officially removed Southeast Asia's polarisation. With their geopolitical position and development process, the two countries have contributed to bringing the groups of ASEAN countries closer together. The strong integration despite the differences of Laos and Vietnam in ASEAN has created qualitative changes in regional cooperation.

In addition to the role of regional solidarity, the two countries are also factors promoting the development of ASEAN, playing an important role in determining the development direction, strategic direction and major decisions of ASEAN, regional cooperation process initiated by ASEAN; coordinate closely at international forums and play an essential role in promoting ASEAN's external relations.

CONCLUSIONS

1. The Laos - Vietnam relations since 1986 have developed in the international and regional context, and each country's situation has undergone fundamental changes. The end of the Cold War, the collapse of the model of realistic socialism in the Soviet Union and Eastern Europe, and the disintegration of the Yalta Bipolar Order fundamentally changed the nature of international relations. Ideological confrontation is no longer a determining factor in relations between nations and gives way to economic, ethnic, and religious issues. In the context of political globalization and increasing regionalization, the process of reconciliation, harmonization, and integration has also begun in Southeast Asia. Laos and Vietnam are two of the few communist parties that remain in power. Since 1986, in the face of economic stagnation and weakness, both Laos and Vietnam have successfully conducted and carried out reforms and reorganization. The achievements of the Reform have fundamentally changed the socio-economic face and significantly enhanced the two countries' international position. In the above context, based on the Treaty of Friendship and Cooperation between the two countries signed in 1977, Laos - Vietnam relations in the period 1986 - 2016 developed synchronously in all three channels: Party, State and People, from central to local levels; comprehensively in all fields from political diplomacy, national defence and security to economy, culture, education and other fields. The Laos - Vietnam relationship in the period 1986 - 2016 is a continuation of the long-standing traditional relationship of the two ethnic groups of Laos and Vietnam - two neighbouring countries sharing a border, sharing the same historical status in the past, led by the two parties sharing the same ideology. Therefore, the above relationship remains fundamentally unchanged, *still a special friendship and cooperation relationship*.

2. Relations in the fields of politics, diplomacy, defence and security since 1986 have continued to be consolidated, becoming a unique phenomenon of the relationship between the two neighbouring

countries in the post-Cold War era. In the new context, each country has many opportunities to develop relations with different countries inside and outside the region, but each side gives the highest priority in foreign relations. In the face of fluctuations in the international and regional situation, the Lao People's Revolutionary Party and the Communist Party of Vietnam regularly meet, exchange and discuss urgent and vital issues for the development of each side. The two sides continued to strengthen the relationship, cooperate in all aspects, support and help each other to successfully carry out their countries' reform and renovation work. The two countries have exchanged many official visits, and high-level working visits, signed many important documents laying the foundation for bilateral relations. Laos and Vietnam have also always supported each other's stances in multilateral forums, supported and helped each other in carrying out international tasks that each side undertakes. Regarding national defence and security, the two sides have cooperated and assisted each other in ensuring each country's national defence and security and coordinated when necessary to fight hostile forces against the cause of national construction in each country. With Vietnam having the advantage of being a densely populated country with a well-organized and well-trained military force, Laos has received effective support from Vietnam in building and training its military force. The border demarcation between the two countries was actively implemented in the period 1986 - 2016 and has been completed, creating conditions for the protection of each country's sovereignty and territorial integrity, and at the same time ensuring the stability of the border between the two countries, transparency and equality of the relationship between the two countries.

3. In the economic field, compared with before 1986, thanks to the achievements of the Reform in each country, the economic relations between Laos and Vietnam have developed more and more comprehensively; the scale and nature also have significant changes. The fact that the two countries signed a series of economic, trade and

investment cooperation agreements gradually completed the legal corridor as the basis for economic cooperation activities and fundamentally changed the nature of the economic relationship compared to the previous period. Trade relations between the two countries since 1986 have increased significantly, with the total trade turnover increasing from 7.8 million USD in 1986 to 1.12 billion USD in 2015, an increase of more than 144 times. Vietnam's investment in Laos increased from the 4th position in the 2001-2005 period to the 2nd position, after China, in the 2006-2010 period and fell to the 3rd position in the 2011-2015 period. However, investment is still one-way, mainly from Vietnam to Laos, while Laos' investment in Vietnam is insignificant, mainly in transportation projects as its contributing capital with Vietnam.

4. Cooperation in other fields continues to be strengthened, especially in the field of education and training. Both sides have mutual support in human resource training. However, the number of Laotian students receiving Vietnamese Government scholarships to study at Vietnamese educational institutions is always higher than the number of Vietnamese students receiving Lao scholarships to study in Lao educational institutions. The fact that many Lao students and learners continue to study and train at Vietnamese educational institutions is a manifestation of strengthened cooperation in education and training and a factor that ensures the long-term relationship between the two countries in the future.

5. Besides the bilateral framework between the two countries, Laos-Vietnam relations in various fields are also carried out at the multilateral level, such as within the Association of Southeast Asian Nations and the Cambodia - Laos - Vietnam Development Triangle Area Cooperation framework, Greater Mekong sub-region. Within the multilateral framework, Laos and Vietnam have performed well their roles and supported each other in completing cooperation programs and projects on schedule and with high quality.

6. The political and security situation in the region has been complicated, especially the ambitious foreign policies of some countries, which have had specific impacts. In particular, negative impacts from internal and external factors pose challenges for the relationship between the two countries. However, based on the close traditions of the two parties, the two governments and the two peoples, with the nature and characteristics of the relationship, the Laos - Vietnam relationship in the coming time will still develop well. It is still a special solidarity relationship; continue to be cherished and nurtured by the Party, Government and people of the two countries; agreed to put the highest priority on jointly raising a new stage of development, which is the relationship of “*great friendship*”, special solidarity and comprehensive cooperation; This is an exemplary relationship, rare in the world, a valuable asset of the two countries, a development law of the two countries and one of the decisive factors for the victory of each country's revolution.

REFERENCES

1. Trinh Thi Dinh, Nguyen Viet Xuan (2020), "Trade relations between Laos-Vietnam in the period 1991-2015 from a comparative perspective with Laos - Thailand trade relations", *Journal of Southeast Asian Studies*, Issue 5 (242), tr.44-54.
2. Trinh Thi Dinh, Nguyen Viet Xuan (2020), "Political - security relations Laos-Vietnam (1986-2016)", *Review of World Economic and Political Issues*, Issue 8 (292), tr.45-54.
3. Nguyen Viet Xuan (2020), "Cooperation between Quang Binh and Khammouane in the early years of the 21st century", *Journal of Southeast Asian Studies*, Issue 2 (239), tr.79-87.
4. Nguyen Viet Xuan (2020), "Close cooperation with the Greater Mekong Sub-region, contributing to elevating Vietnam-Laos relations", *Communist Review*, Issue 943, tr.106-111.
5. Nguyen Viet Xuan (2020), "Economic cooperation between residents of Quang Binh provinces (Vietnam) and Kham Muon provinces (Laos)", *Journal of Ethnic Minorities Research*, Volume 9 Issue 2, June, tr.146-152.
6. Nguyen Viet Xuan (2020), "Impact of China's increasing influence on Laos - Vietnam relations in the period 1986 - 2016", *Journal of Southeast Asian Studies*, Issue 9 (246), tr.20-26.
7. Nguyen Viet Xuan (2020), "Factors affecting Laos-Vietnam relations (1986-2016)", *Hue University Journal of Science*, Volume 129, Number 6A, tr.77-91.
8. Nguyen Viet Xuan (2020), "Economic Cooperation between Khammouane Province (Laos) and Quang Binh Province (Vietnam) in the first two decades of the 21st Century: Current Situation and Issue", *Journal of Science and Technology - Hue University of Science*, Volume 16, Number 3, tr.113-122.
9. Nguyen Viet Xuan (2020), "Chinese factor in Laos-Vietnam relations (1986-2016)", *Journal of Science & Technology - Quang Binh University*, Number 20 (02), tr.85-96.